

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **156/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh.
2. Ông Trần Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm: 1994.

ĐKKHKT: Tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Trịnh Đình T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2022, bản tự khai ngày 20/4/2022, biên bản hòa giải ngày 20/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Đình T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn Q), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh

T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, thường xuyên đánh đập, bạo hành chị cả về thể chất và tinh thần. Không những thế, anh T còn thường xuyên xúc phạm và có lỗi ứng xử không đúng đối với bố mẹ đẻ chị, dù ông bà không chung sống cùng và cũng không có vấn đề gì va chạm với anh T. Chị đã rất nhiều lần nói chuyện với anh T hi vọng anh sẽ thay đổi để vợ chồng được hòa hợp, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên răn, nhưng anh T vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Do hành vi bạo hành của anh T quá tàn nhẫn, chị không thể chịu đựng được nên ngày 25/12/2021, chị phải bỏ trốn về nhà mẹ đẻ ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 25/12/2021 đến nay không ai quan T đến ai. Chị xét thấy vợ chồng chị mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn gì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Đình Đ, sinh ngày 18/5/2014. Hiện tại cháu đang sinh sống ổn định và học tập tại Tổ dân phố 5, thị trấn Q cùng với bố và ông bà nội, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con, chị đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/ tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 20/4/2022, biên bản hòa giải ngày 20/4/2022, bị đơn là anh Trịnh Đình T trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Về quá trình kết hôn anh công nhận ý kiến trình bày của chị H là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh chơi bời, không lo cho vợ con được cuộc sống hạnh phúc, thường xuyên gây ra những điều không mong muốn như chửi bới, bạo hành vợ. Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ ngày 25/12/2021. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 25/12/2021 đến nay, không ai quan T đến ai. Chị H làm xin ly hôn, anh thấy mình vẫn còn tình cảm với chị H, nên có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Anh thấy mình có sai nhiều. Anh mong muốn chị H cho anh thêm thời gian để anh thay đổi tính tình và chăm lo cho công việc. Nếu như anh cảm thấy mình thay đổi được, anh sẽ vào Hà Tĩnh để gặp chị H và gia đình chị H để giải bày nguyện vọng xin được đoàn tụ. Nếu như trong thời gian tới anh cảm thấy bản thân không thể thay đổi được, anh sẽ tự động chấp nhận ly hôn để giải thoát cho chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Đình Đ, sinh ngày 18/5/2014. Cháu Đ đang sống cùng với anh. Anh có nguyện vọng đoàn tụ, nên hiện tại anh chưa có quan điểm gì về việc giao cho ai nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa

vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Trịnh Đình T. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung. Giao con chung là cháu Trịnh Đình Đ, sinh ngày 18/5/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Chị H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị H và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh T đã Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, anh T thường xuyên chửi bới, bạo hành chị H, anh T chơi bời, không lo cho vợ con được cuộc sống hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 25/12/2021, không ai quan T đến ai. Chị H xin ly hôn, về phía anh T thừa nhận mình sai, có chửi bới, bạo hành vợ, nhưng anh T xin được đoàn tụ. Tòa án đã hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Sau khi hòa giải lần 1, anh T xin Tòa án thêm thời gian 02 tháng để thay đổi tính tình và gặp chị H xin được đoàn tụ, nếu không thể thay đổi được, anh sẽ tự động chấp nhận ly hôn để giải thoát cho chị H. Tòa án đã tạo điều kiện cho anh T về mặt thời gian, cho anh T 02 tháng và đưa ra các giải pháp, cách thức để giúp anh T thuyết phục chị H về đoàn tụ. Nhưng từ sau buổi hòa giải lần 1 cho đến nay, anh T không những không thực hiện giải pháp gì, mà còn chửi bới, đe dọa chị H. Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 thì anh T không đến Tòa án. Tòa án đã 02 lần mở phiên tòa,

nhưng anh T cũng không đến tham dự phiên tòa. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí níu kéo hạnh phúc, có thái độ bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy anh T đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, làm cho hôn nhân giữa chị H và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện tại đời sống chung đã chấm dứt, vợ chồng không quan T đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về con chung:

Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trịnh Đình Đ, sinh ngày 18/5/2014. Chị H có nguyện vọng giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Đ. Anh T không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về việc nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét, cân nhắc đến nhiều yếu tố, miễn sao đảm bảo cho con trẻ có được cuộc sống ổn định, lành mạnh, đủ điều kiện để con trẻ được phát triển đầy đủ về thể chất cũng như T sinh lý trẻ thơ. Mặc dù, anh T không có quan điểm gì về việc nuôi con, nhưng thông qua xác minh tại gia đình anh T thì thấy cháu Đ đang ở với anh T, bố mẹ anh T có đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng, bố mẹ anh T sẽ hỗ trợ anh T chăm sóc cháu Đ. Thực tế bố mẹ anh T đã hỗ trợ vợ chồng anh T chăm sóc cháu Đ từ khi cháu được 01 tuổi cho đến nay. Cháu Đ đã quen với việc chăm sóc của bố và ông bà nội. Bản thân cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Xét thấy cháu Đ đang ở ổn định với anh T, anh T có việc làm, có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Đ, giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H trình bày chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/ tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng chị H đưa ra là phù hợp với mức thu nhập, khả năng thực tế của chị H, phù hợp với mức sống, nhu cầu thiết yếu của một đứa trẻ theo mức trung bình ở địa phương, nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung:

Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Trịnh Đình T.

2. *Về con chung:* Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trịnh Đình Đ, sinh ngày 18/5/2014. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Đình Đ.

Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:*

- Án phí ly hôn: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2021/0003427 ngày 01/4/2022. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Án phí cấp dưỡng: Chị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

5. *Quyền kháng cáo:* Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND thị trấn Q, huyện Yên Định;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung

